Ths Nguy□n Ng□c Võ Khoa - Khoa N□i tiêu hóa

Đ□I C□□NG

- B□nh trào ng□□c d□ dày th□c qu□n (Gastroesophageal Reflux Disease-GERD) là 1 r□i lo□n tiêu hóa hàng đ□u trong s□ nh□ng b□nh nhân ngo□i trú t□i Hoa K□, chi□m h□n 5 tri□u l□□t thăm khám hàng năm.
- Nh□ng thay đ□i sinh lý b□nh chính đóng góp vào s□ phát tri□n c□a GERD bao g□m: giãn c□ th□t th□c qu□n d□□i, gi□m nhu đ□ng th□c qu□n, và gi□m tr□□ng l□c c□ th□t th□c qu□n d□□i.

- Các tri□u ch□ng đi□n hình c□a GERD là □ nóng và trào ng□□c. Đau ng□c, khó nu□t và □ h□i, cũng nh□ ho, khàn ti□ng là các tri□u ch□ng khác có th□ g□p □ b□nh nhân GERD.
- B□nh nhân có các tri□u ch□ng đi□n hình c□a GERD có th□ đ□□c ch□n đoán và đi□u tr□ mà không c□n xét nghi□m đ□ ch□n đoán.
- N□i soi sinh thi□t đ□□c ch□ đ□nh □ nh□ng b□nh nhân nu□t khó ho□c □ nh□ng ng□□i có nghi ng□ GERD mà không đáp □ng v□i đi□u tr□ PPI hai l□n m□i ngày

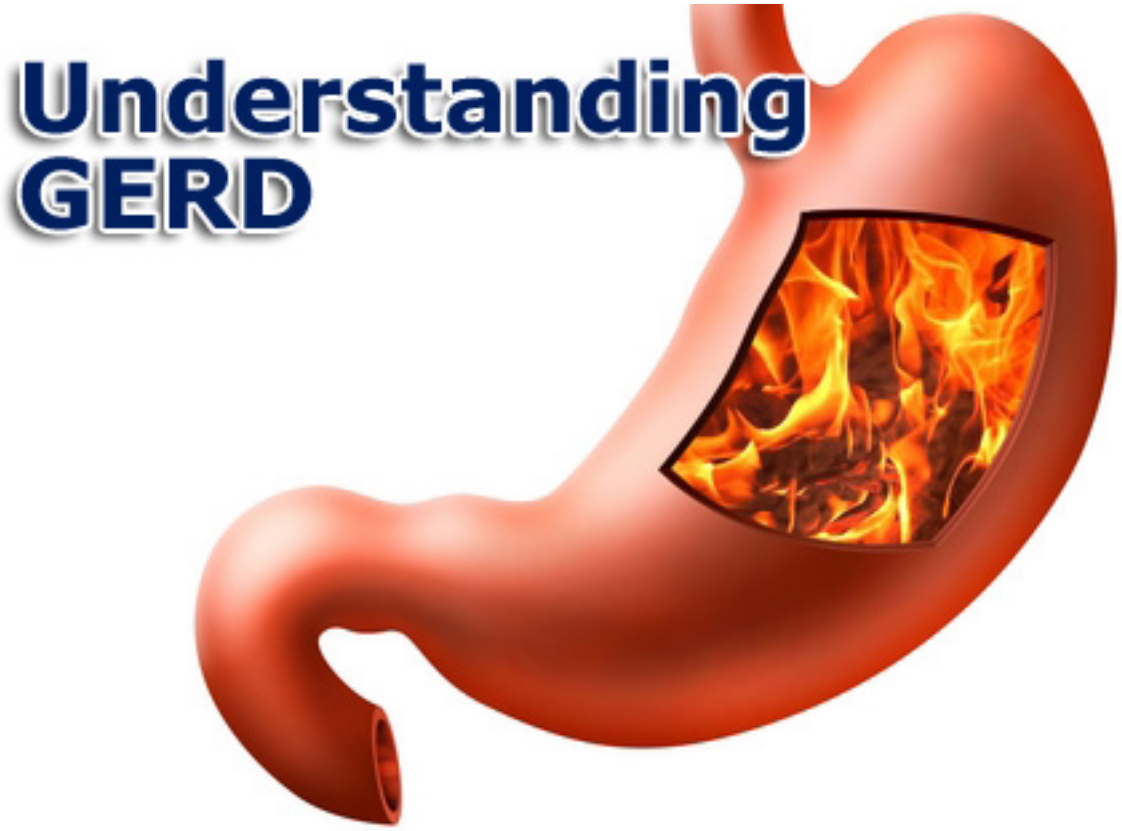

Ph□n 1:

Đ□nh nghĩa:□Không có đ□nh nghĩa chu□n nào c□a GERD đ□□c ch□p nh□n toàn c□u. M□t đ□ng thu□n qu□c t□ g□n đây (đ□ng thu□n Montreal) đã phát tri□n đ□nh nghĩa v□ c□a GERD và đã đ□□c ch□ng minh là h□u ích cho vi□c xây d□ng c□ s□ đi□u tr□. Đ□ng thu□n Montreal đ□nh nghĩa GERD là "m□t tình tr□ng m□c ph□i khi trào ng□□c d□ dày gây ra nh□ng tri□u ch□ng khó ch□u và / ho□c bi□n ch□ng".

Thu□t ng□ "khó ch□u" đ□□c đ□nh nghĩa là s□ □nh h□□ng tiêu c□c đ□n tinh th□n c□a m□t cá nhân.

Phân lo□i

M□t lo□t các h□ th□ng phân lo□i cho GERD đã đ□□c đ□ xu□t trong nh□ng năm qua. Phân lo□i Montreal c□a GERD đ□□c đ□a ra b□i m□t nhóm chuyên gia qu□c t□ đ□i di□n cho 5 châu l□c và 18 qu□c gia. H□ đ□ xu□t r□ng nh□ng bi□u hi□n GERD đ□□c chia thành tri□u ch□ng th□c qu□n và tri□u ch□ng ngoài th□c qu□n. Các tri□u ch□ng th□c qu□n đ□□c phân chia ra thành 2 lo□i: có ho□c không gây t□n th□□ng th□c th□ trên th□c qu□n. H□i ch□ng trào ng□□c có tri□u ch□ng bao g□m trào ng□□c đi□n hình và h□i ch□ng đau ng□c do trào ng□□c. H□i ch□ng t□n th□□ng th□c qu□n đ□□c phân lo□i nh□ sau:

- Viêm th□c qu□n trào ng□□c.
- Trào ng□□c do h□p
- Barrett th□c qu□n.
- Ung th□ bi□u mô tuy□n th□c qu□n.

Các h□i ch□ng ngoài th□c qu□n đ□□c chia thành các tri□u ch□ng ngoài th□c qu□n do trào ng□□c và các tri□u ch□ng không do trào ng□□c.

Các h□i ch□ng đã thi□t l□p bao g□m:

- Ho do trào ng□□c.
- Viêm thanh qu□n trào ng□□c.
- Hen do trào ng□□c.
- Mòn răng do trào ng□□c.

Các h□i ch□ng không do trào ng□□c bao g□m :

- Viêm h□ng.
- B□nh viêm xoang.
- X□ ph□i t□ phát.
- Viêm tai gi□a tái phát.

T□n su□t

- GERD là m□t b□nh ph□ bi□n v□i t□ l□ lên t□i 40% □ B□c M□ và Tây Âu,và t□ l□ th□p h□n m□t ít □ Nam M□ và châu Á.
- H□n 50% b□nh nhân trào ng□□c d□ dày th□c qu□n có tri□u ch□ng mà không có t□n th□□ng th□c qu□n.

Chi phí di□u tr□

- Các chi phí di□u tr□ n□i trú và ngo□i trú đ□ di□u tr□ m□t b□nh nhân GERD t□□ng □ng là 316 $ và 655$/năm. Khi so sánh v□i nh□ng b□nh khác, t□ng th□ chi phí di□u tr□ trong 1 năm c□a GERD là ít h□n so v□i b□nh đ□ng m□ch vành nh□ng nhi□u h□n b□nh tr□m c□m ($746), tăng huy□t áp ($523), ho□c b□nh ti□u đ□□ng type 2 ($937).
- Các chi phí tr□c ti□p hàng năm đ□ di□u tr□ GERD t□i Hoa K□ □□c tính kho□ng 9 t□ đô la.

Nguyên nhân và c□ ch□ b□nh sinh

• S□ chênh l□ch áp l□c cao gi□a d□ dày trong □ b□ng và th□c qu□n trong l□ng ng□c ngăn s□ trào ng□□c c□a d□ch d□ dày vào th□c qu□n. Áp l□c này đ□□c t□o ra b□i nh□ng c□ th□t th□c qu□n d□□i (LES) và c□ hoành. Khi□m khuy□t c□a c□ th□t th□c qu□n d□□i làm gi□m áp l□c c□ b□n là m□t c□ ch□ gây nên GERD.

• S□ giãn c□ th□t th□c qu□n d□□i kéo dài (TLESR) đ□□c xem nh□ c□ ch□ chính gây nên GERD

• S□ trào ng□□c d□ dày th□c qu□n cũng đòi h□i m□t gradient áp l□c d□□ng gi□a d□ dày và vùng áp l□c cao. G□ng s□c và béo phì là nh□ng ví d□ v□ s□ tăng áp l□c □ b□ng và tăng nguy c□ c□a GERD.

• S□ sai l□c v□ trí đo□n n□i gi□a th□c qu□n v□i tâm v□ trên c□ hoành, góp ph□n gây ra GERD b□i vì:

- M□t s□ t□o áp l□c c□a c□ hoành lên vùng áp su□t cao
- Tăng gradient áp su□t gi□a d□ dày và đo□n th□c qu□n xa d□ dày.
- D□ch chuy□n 1 túi đ□ng axit lên phía trên c□ hoành làm tăng s□ ti□p xúc v□i axit c□a đo□n th□c qu□n xa d□ dày.

Các y□u t□ nguy c□

Y□u t□ nguy c□ c□a GERD đ□□c ch□ ra d□□i đây. D□ ki□n đánh giá t□ su□t chênh v□i m□i b□nh lý đ□c hi□u còn ch□a rõ ràng

- Béo phì.
- Thoát v□.
- Hút thu□c lá.
- Thai nghén.

Ph□n 2: D□ phòng

Các tri□u ch□ng c□a trào ng□□c d□ dày th□c qu□n đôi khi b□ làm n□ng b□i m□t s□ y□u t□ nh□ ch□ đ□ ăn u□ng và hành vi. Do đó, vi□c lo□i b□ các "y□u t□ gây trào ng□□c" nh□ m□t s□ th□c ăn và đ□ u□ng có th□ làm gi□m ho□c th□m chí lo□i b□ các tri□u ch□ng này. B□nh nhân c□n đ□□c khuy□n khích đ□ tránh nh□ng th□c ph□m gây ra các tri□u ch□ng c□a h□, ch□ng h□n nh□ sô cô la,

cà phê, th□c ăn béo và r□□u.

B□nh nhân c□n đ□□c h□□ng d□n chia thành nhi□u b□a ăn b□a ăn nh□ h□n và gi□ kho□ng 3 gi□ sau m□t b□a ăn.

B□nh nhân th□a cân nên có ch□ đ□ ti□t th□c gi□m cân.

M□t s□ thu□c kê toa có th□ làm n□ng thêm tình tr□ng trào ng□□c acid b□ng cách gi□m áp l□c c□ th□t th□c qu□n d□□i, ch□m làm v□i d□ dày, ho□c gây th□□ng t□n niêm m□c th□c qu□n.

Sàng l□c

Ch□n đoán b□nh lý trào ng□□c d□ dày th□c qu□n có th□ d□a trên các tri□u ch□ng đ□c tr□ng c□a trào ng□□c (□ nóng và trào ng□□c) mà không c□n xét nghi□m ch□n đoán.

M□t b□ câu h□i v□ các tri□u ch□ng c□a GERD đã đ□□c phát tri□n đ□ h□ tr□ trong vi□c sàng l□c các b□nh nhân, đánh giá m□c đ□ nghiêm tr□ng c□a các tri□u ch□ng và kh□ năng đáp □ng đi□u tr□. M□c dù b□ câu h□i trên t□ ra có ích theo nghiên c□u lâm sàng, vai trò c□a nó trong th□c hành lâm sàng v□n ch□a đ□□c ch□ng minh.

D□ phòng s□ c□p và th□ c□p

Đi□u tr□ d□ phòng chính đ□i v□i b□nh nhân GERD nh□m lo□i b□ ho□c thay đ□i v□ ch□ đ□ ăn u□ng và l□i s□ng, có nguy c□ gây trào ng□□c d□ dày th□c qu□n. Đi□u này bao g□m duy trì tr□ng l□□ng c□ th□ lý t□□ng, tránh b□a ăn quá nhi□u, gi□ ng□□i đ□ng th□ng trong 2-3 gi□ sau ăn, và lo□i b□ nh□ng th□c ph□m làm gi□m áp l□c c□ th□t th□c qu□n d□□i.

Đi□u tr□ d□ phòng th□ c□p c□a GERD, nh□m ki□m soát các tri□u ch□ng c□a trào ng□□c axit và

ngăn ng□a th□□ng t□n th□c qu□n, bao g□m vi□c thay đ□i ch□ đ□ ăn u□ng và l□i s□ng đ□□c mô t□ □ trên c□ng v□i đi□u tr□ b□ng thu□c nh□m gi□m b□t ho□c lo□i b□ s□ trào ng□□c d□ch d□ dày lên th□c qu□n.

Ph□n 3: Ch□n đoán

Ch□n đoán GERD có th□ đ□□c th□c hi□n d□a trên các tri□u ch□ng □ nóng và trào ng□□c mà không c□n đ□n xét nghi□m ch□n đoán.

Các bi□n ch□ng c□a GERD bao g□m ch□t th□c qu□n, h□p th□c qu□n, Barrett th□c qu□n, và ung th□ tuy□n niêm m□c th□c qu□n. Xu□t huy□t m□ h□, m□n tính cũng nh□ xu□t huy□t rõ ràng cũng có th□ do viêm loét th□c qu□n.

M□t lo□t các tri□u ch□ng ngoài th□c qu□n có th□ liên quan đ□n GERD, bao g□m ho kéo dài, viêm thanh qu□n m□n tính, hen suy□n, và xói mòn răng.

N□i soi tiêu hóa trên nên đ□□c xem xét □ nh□ng b□nh nhân b□ nghi ng□ GERD v□i nh□ng tri□u ch□ng báo đ□ng (khó nu□t, gi□m cân đáng k□, thi□u máu, ho□c có d□u hi□u xu□t huy□t tiêu hóa) ho□c không đáp □ng v□i thu□c □c ch□ b□m proton (PPI) và đi□u tr□ theo kinh nghi□m.

Đo áp l□c th□c qu□n r□t h□u ích trong vi□c đánh giá b□nh nhân nu□t khó ho□c đau ng□c không đi□n hình □ nh□ng ng□□i không đáp □ng v□i đi□u tr□ PPI.

Theo dõi pH d□ dày b□ng catheter có th□ giúp ích trong vi□c đánh giá nh□ng b□nh nhân không đáp □ng v□i li□u PPI hai l□n m□i ngày.

Ch□n đoán gián bi□t

Ch□n đoán phân bi□t v□i các tri□u ch□ng đi□n hình c□a GERD

Viêm th□c qu□n tăng b□ch c□u ái toan:

- Các tri□u ch□ng nu□t khó, □ nóng, và/ ho□c s□ □nh h□□ng c□a th□c ăn
- Sinh thi□t th□c qu□n > 15 b□ch c□u ái toan

Viêm th□c qu□n do thu□c:

- Đau ng□c khi phát đ□t ng□t, d□ d□i và ho□c sau khi nu□t
- Ch□n đoán xác đ□nh b□ng n□i soi

□ ch□c năng: □ nóng rát mà không có b□ng chúng c□a axit trào ng□□c và gi□m nhu đ□ng th□c qu□n

R□i lo□n nhu đ□ng th□c qu□n:

- Nu□t khó ho□c k□t h□p v□i khó ch□u □ ng□c
- Ch□n đoán b□ng cách đo áp l□c th□c qu□n

H□i ch□ng nhai l□i:

- Nhai l□i do th□c ăn không tiêu hóa đ□□c, tiêu hóa l□i sau
- Không bu□n nôn, □ nóng, đau b□ng
- Ch□n đoán lâm sàng d□a trên ti□n s□ c□a cá nhân

Li□t d□ dày

- Li□t d□ dày

- Ttrào ng□□c th□c ăn không tiêu hóa
- Sau b□a ăn bu□n nôn và / ho□c nôn
- Ch□m v□i d□ dày

Tri□u ch□ng tiêu bi□u

□ nóng, đ□□c đ□nh nghĩa là s□ nóng rát sau x□□ng □c, là tri□u ch□ng đi□n hình nh□t c□a GERD. □, đ□nh nghĩa là s□ nh□n th□c s□ trào ng□□c d□ch ho□c th□c ăn đi v□ phía c□ h□ng ho□c mi□ng, cũng là tri□u ch□ng đ□c tr□ng c□a GERD. M□c dù GERD là nguyên nhân ph□ bi□n nh□t c□a ch□ng □ nóng, m□t lo□t các b□nh lý khác cũng có th□ gây nên b□nh c□nh lâm sàng t□□ng t□ (xem b□ng Ch□n đoángián bi□t).

Ch□n đoán lâm sàng

Ti□n s□ và thăm khám th□c th□

Các tri□u ch□ng c□a GERD có th□ đ□□c gây nên b□i cách b□nh nhân ăn u□ng, t□p th□ d□c, ho□c n□m nghiêng. Ngoài □ nóng và trào ng□□c, khó ch□u vùng th□□ng v□, r□i lo□n gi□c ng□, và đau ng□c là nh□ng bi□u hi□n khác c□a trào ng□□c d□ dày đi□n hình. Tri□u ch□ng ngoài th□c qu□n bi□u hi□n c□a GERD bao g□m ho, viêm thanh qu□n, co th□t ph□ qu□n, và xói mòn răng.

Khám th□c th□ ít có vai trò trong đánh giá b□nh nhân nghi ng□ GERD.

Các phòng thí nghi□m và các xét nghi□m ch□n đoán

PPI "test" đ□□c th□c hi□n b□ng cách dùng li□u chu□n c□a PPI hai l□n m□i ngày trong 7-14 ngày và đánh giá đáp □ng đi□u tr□, th□□ng là gi□m ch□ng □ nóng. Đáp □ng c□a 50% và 75% đã cho k□t qu□ tích c□c.Các báo cáo v□ đ□ nh□y và đ□ đ□c hi□u c□a th□ nghi□m này là 80% và 74%, t□□ng □ng.

Ch□p Baryte th□c qu□n có vai trò h□n ch□ trong vi□c đánh giá các bi□n ch□ng c□a GERD.

N□i soi th□c qu□n - d□ dày - tá tràng (EGD) r□t ích trong ch□n đoán các bi□n ch□ng c□a trào ng□□c: viêm ch□t th□c qu□n, loét xu□t huy□t, Barrett th□c qu□n, h□p, và ung th□ bi□u mô tuy□n. Ch□ < h□n 50% b□nh nhân có tri□u ch□ng GERD đi□n hình có b□ng ch□ng loét niêm m□c trên n□i soi.

Sinh thi□t n□i soi nên h□□ng vào các vùng niêm m□c b□t th□□ng và nghi ng□ chuy□n s□n ho□c lo□n s□n. Ngoài ra, niêm m□c có v□ nh□ bình th□□ng cũng nên đ□□c sinh thi□t đ□ đánh giá tình tr□ng tăng b□ch c□u eosin.

Đo áp l□c th□c qu□n ít có vai trò trong đánh giá GERD. Nó đ□□c s□ d□ng đ□ xác đ□nh v□ trí c□a đ□u dò pH so v□i các c□ th□t th□c qu□n d□□i và có th□ có ích tr□□c khi đi□u tr□ ph□u thu□t ch□ng trào ng□□c.

Theo dõi pH có th□ đ□□c th□c hi□n b□ng cách s□ d□ng viên nang đo pH không dây ho□c m□t h□ th□ng catheter. Ki□m tra pH th□c qu□n ch□ y□u đ□□c ch□ đ□nh □ nh□ng b□nh nhân b□ trào ng□□c có hình □nh âm tính trên n□i soi □ nh□ng ng□□i không đáp □ng v□i th□ nghi□m PPI.Trong b□i c□nh này, đ□ nh□y và đ□ đ□c hi□u c□a xét nghi□m pH là 0-71% và 85-100%, t□□ng □ng.

S□ d□ng ánh sáng tr□ kháng đa kênh (MII) có th□ đ□□c k□t h□p v□i ki□m tra pH th□c qu□n đ□ phát hi□n tình tr□ng có hay không trào ng□□c axid. Không trào ng□□c acid có th□ là m□t nguyên nhân quan tr□ng c□a các tri□u ch□ng □ nh□ng ng□□i có tri□u ch□ng trào ng□□c không đáp □ng đi□u tr□ PPI.

Nh□ng sai sót có th□ m□c ph□i khi ch□n đoán

Tri□u ch□ng □ nóng và trào ng□□c có th□ do nh□ng r□i lo□n th□c qu□n khác, ch□ng h□n nh□ co th□t tâm v□, □ nóng ch□c năng, và viêm th□c qu□n tăng b□ch c□u eosin, bên c□nh trào ng□□c axid. Nh□ng b□nh nhân có tri□u ch□ng mà không đáp □ng hoàn toàn v□i đi□u tr□ □c ch□ ti□t axid

nên đ□□c đánh giá thêm.

Khó ch□u □ ng□c tr□ nên n□ng lên khi đánh giá test g□ng s□c có th□ do trào ng□□c acid, b□nh đ□ng m□ch vành, ho□c c□ hai. Đánh giá tình tr□ng tim m□ch có th□ thích h□p □ nh□ng b□nh nhân nghi ng□ tr□□c khi k□t lu□n r□ng các tri□u ch□ng này là t□ th□c qu□n.

S□ đ□ ch□n đoán cho b□nh nhân có tri□u ch□ng

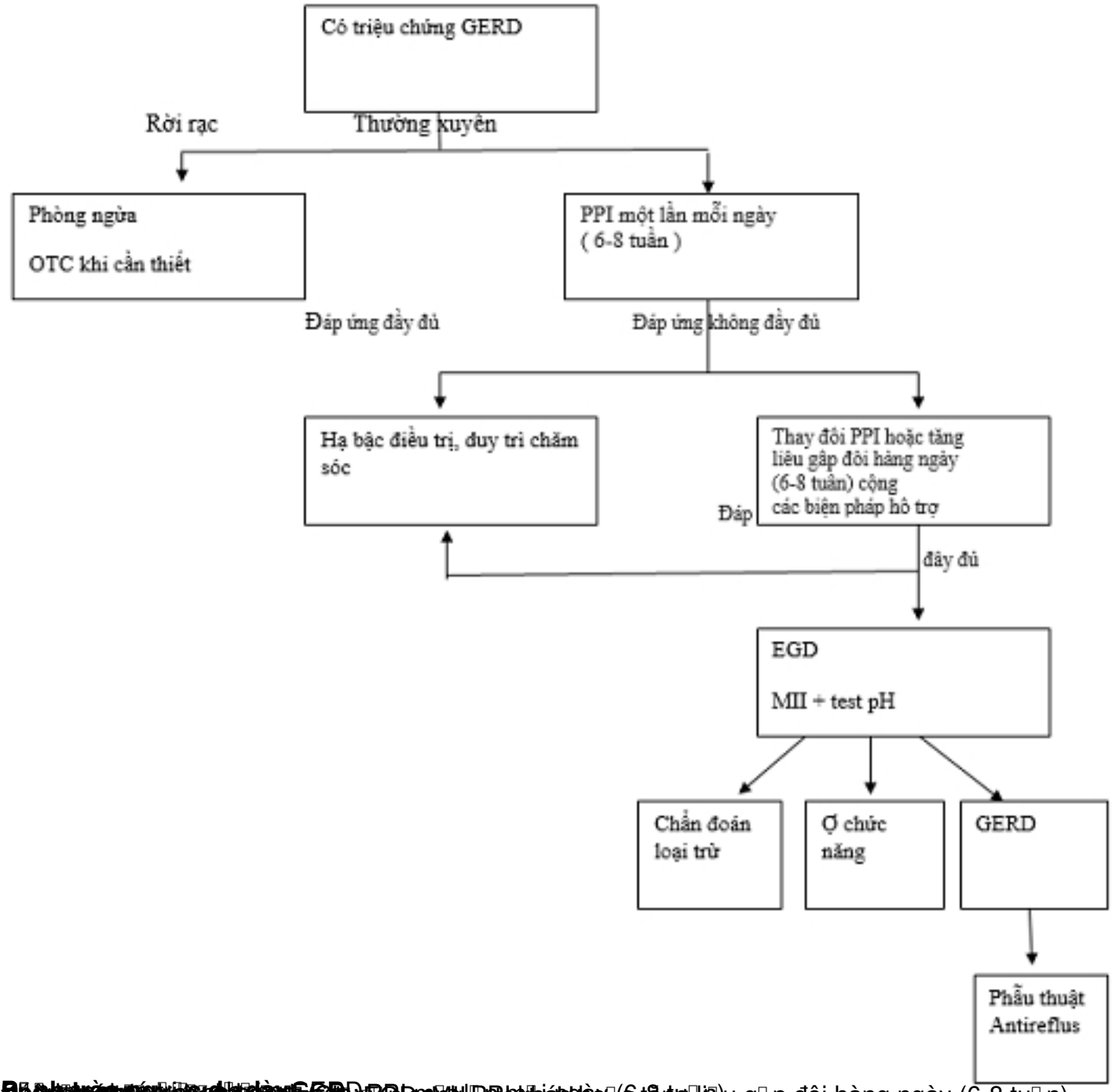
Có triệu chứng GERD
Rời rạc
Thường xuyên
Phòng ngừa
OTC khi cần thiết
PPI một lần mỗi ngày
(6-8 tuần)
Đáp ứng đầy đủ
Đáp ứng không đầy đủ
Hạ bậc điều trị, duy trì chăm sóc
Thay đổi PPI hoặc tăng liều gấp đôi hàng ngày (6-8 tuần) cộng các biện pháp hỗ trợ
Đáp
đầy đủ
EGD
MII + test pH
Chẩn đoán loại trừ
Ợ chức năng
GERD
Phẫu thuật Antireflus